

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 8 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Đồng và Ông Hoàng Đình Thi.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1977; trú tại: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Ngô Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 11 năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi, không quan tâm đến gia đình, không phụ giúp chị để cùng nhau nuôi dạy con cái. Vì không sống

chung với nhau được nên vợ, chồng đã ly thân 11 năm nay, từ đó đến nay không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, ly thân nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Ngô Văn T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng 01 con chung là cháu Ngô Thị Trà Gi, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010; nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là được nuôi con; yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Gi tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không có yêu cầu gì khác.

*Đối với anh Ngô Văn T:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập để anh T tham gia tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả xác minh như sau:

Tại Công an phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn xác định “Anh Ngô Văn T, sinh năm 1977, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Theo thông tin Công an phường nắm được thì anh Ngô Văn T làm việc tại Quảng Nam - Đà Nẵng, mỗi năm về địa phương vài lần vào dịp lễ, tết. Theo thông tin dữ liệu công dân, anh T khai nơi cư trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình”.

Tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn xác định: “UBND phường Quảng Long đã nhận đề giao các văn bản tố tụng cho anh Ngô Văn T gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Giấy triệu tập các lần đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản, cán bộ liên lạc đã trực tiếp mang các văn bản đến để giao cho anh T nhưng không giao được vì anh T đi làm ăn, không có mặt tại nhà ở”.

Ngày 15/7/2022, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh T đến phiên tòa vào ngày 02/8/2022, nhưng anh T vắng mặt không lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa. Tòa án mở phiên tòa lần hai, tiếp tục triệu tập anh T đến tham gia phiên tòa vào ngày 22/8/2022; các lần mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ, tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho quá trình giải quyết

vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, xét xử vắng mặt anh Ngô Văn T

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao con chung là cháu Ngô Thị Trà Gi, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng/tháng là cao, không phù hợp thực tế, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Ngô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Gi tròn 18 tuổi. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Ngô Văn T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Ngô Văn T có nơi cư trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho anh Ngô Văn T, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập. Tuy nhiên anh T vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử, chị H trình bày cuộc sống chung trong thời kỳ hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường cãi vã, xúc phạm nhau; Anh, Chị đã sống ly thân vào năm 2011 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T bắt nguồn từ việc vợ chồng chung sống nhưng không đồng quan điểm, sống ly thân nhau đã lâu, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị H và anh T không còn hạnh phúc, không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Văn T vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H xác định, quá trình chung sống sau kết hôn giữa chị và anh T có 01 con chung là cháu Ngô Thị Trà Gi, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010. Nếu vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, hiện cháu Gi đang được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không có bất kỳ sự trợ giúp, đóng góp từ anh T. Anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có quan điểm hay yêu cầu gì về nuôi con. Do vậy, cần giao cháu Gi cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Đối với yêu cầu của chị H về việc buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 5.000.000 đồng/tháng là không phù hợp, cao với thực tế thu nhập của người phải cấp dưỡng cũng như mức sống của cháu nhỏ tại địa phương. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Ngô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Gi tròn 18 tuổi. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Ngô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Gi tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Ngô Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) .

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 22; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Ngô Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ngô Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 24/11/2009, tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Giao con chung Ngô Thị Trà Gi, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Ngô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu Trang tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền qua lại thăm con; chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết Anh, Chị có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003343 ngày 22 tháng 3 năm 2022; chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh Ngô Văn T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/8/2022), bị đơn có quyền

làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Quảng Phương  
(NĐKKH: 24/11/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phan Anh Đức**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thắng    Đoàn Thị Thái**

**Phan Anh Đức**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Hòa      Hoàng Công Nghĩa      Phan Anh Đức**